

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Bản án số: **260/2018/HNGĐ-ST**

- Ngày: **05.6.2018**

- V/v: Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: **Phạm Thế Tụng**

+ Ông: **Nguyễn Trung Trực**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*
bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Cao Hoài A, sinh năm 1982** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Y, Long An

2. Bị đơn: **Lâm Thị Ngọc B, sinh năm 1979** (có mặt)

Địa chỉ: ấp O, xã P, huyện X, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Cao Hoài A trình bày: anh và chị B tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau vào năm 2013, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01 ngày 12/10/2015. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc cho đến năm 2016, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân từ tháng 01/2016. Nay anh thấy tình cảm

vợ chồng không còn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Cao Thiên C, sinh ngày 02/8/2014, hiện con đang sống với chị B. Ly hôn, anh đồng ý giao chị B được tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh A vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị B, anh đồng ý giao chị B tiếp tục nuôi con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành.

** Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn Lâm Thị Ngọc B trình bày: chị thống nhất với anh A về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng, về con chung, nợ chung, tài sản chung. Chị cho rằng trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian cách nay khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh A sống không có trách nhiệm với gia đình, giữa vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau. Trong thời gian ly thân, chị và anh A không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị đồng ý ly hôn với anh A.*

Về con chung: chị đồng ý tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại phiên tòa, chị B đồng ý ly hôn với anh A, đồng ý tiếp tục nuôi con chung nhưng chị vẫn giữ yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh A xin ly hôn với chị B, chị B tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con với anh A nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp O, xã P, huyện X nên Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh A và chị B qua tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2013, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01 ngày 12/10/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay anh A xin ly hôn với chị B, chị B tranh chấp nuôi con chung, cấp dưỡng

nuôi con với anh A nên được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh A và chị B đều thừa nhận sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian khoảng đầu năm 2011, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống nên anh, chị đã ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Nay tình cảm vợ giữa anh, chị ngày càng phai nhạt, giữa vợ chồng không thể hàn gắn với nhau, chị B cũng đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh A và chị B thuận tình ly hôn với nhau, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: anh A và chị B có 01 con chung tên Cao Thiên C, sinh ngày 02/8/2014, hiện đang sống với chị B. Anh A đồng ý giao chị B tiếp tục nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chị B đồng ý tiếp tục nuôi con nhưng yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, cháu C còn nhỏ nên anh A và chị B thỏa thuận giao cháu C cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị B yêu cầu anh A cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, anh A đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*" và tại khoản 1 Điều 116 quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*". Do anh A không trực tiếp nuôi con chung nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với mức cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu C còn nhỏ, nhu cầu thiết yếu chưa cao nghĩ nên chấp nhận việc anh A cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với thu nhập thực tế của anh A và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu C.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh A và chị B cùng thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: do anh A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bị đơn là có căn cứ pháp luật một phần đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Hoài A.**

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cao Hoài A và chị Lâm Thị Ngọc B.

2. Về con chung: chị Lâm Thị Ngọc B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Cao Thiên C, sinh ngày 02/8/2014;

+ Anh Cao Hoài A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh A chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

+ Anh Cao Hoài A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có

4. Về án phí:

+ Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 36205 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện X. Như vậy anh A còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh A và chị B được quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài